

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2023

Về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Ông Huỳnh Văn Sức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký viên Tòa án.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14/3/2023 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Khóm Phú H, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang. (hiện nay tạm trú tại: tổ 2, ấp Hiệp H, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang). (đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Hồng T, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp Phú H (nay là Khóm PH), thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang. (đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải bà Đỗ Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: thông qua mai mối, sau tiến tới chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do: trước đây ông T mê cờ bạc, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vì các con chung nên mới cố gắng nhường nhịn chung sống cho đến năm 2021 nhưng do mâu thuẫn giữa vợ chồng cứ lập đi lập lại làm cho cuộc

sống không còn hạnh phúc nữa. Nay bà H cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Trần Hồng T.

+ Về quan hệ con chung: quá trình chung sống có 04 người con chung tên Trần Thị T, sinh năm 1995; Trần Thiện T, sinh ngày 23/3/2000; Trần Thiện T, sinh ngày 26/8/2003 và Trần Thiện P, sinh ngày 23/4/2010 hiện đang sống với bà Đỗ Thị H. Do các con chung tên Trần Thị T; Trần Thiện T và Trần Thiện T đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu xem xét giải quyết; riêng đứa con tên Trần Thiện P thì bà H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

+ Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Trần Hồng T trình bày:* thông qua mai mối và chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, theo yêu cầu ly hôn của bà H thì ông cũng đồng ý thuận tình ly hôn với bà Đỗ Thị H.

+ Về con chung: quá trình chung sống có 04 người con chung tên Trần Thị T, sinh năm 1995; Trần Thiện T, sinh ngày 23/3/2000; Trần Thiện Tới, sinh ngày 26/8/2003 và Trần Thiện P, sinh ngày 23/4/2010. Các con chung tên Trần Thị T, Trần Thiện T và Trần Thiện T đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; riêng đứa con tên Trần Thiện P hiện đang chung sống với bà H thì ông đồng ý giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

+ Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bà Đỗ Thị H và ông Trần Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do các bên đã thống nhất toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Đỗ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về “*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Hồng Tiến, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp Phú H (nay là Khóm PH), thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

[1.3]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Đỗ Thị H và ông Trần Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông T.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Trần Hồng T chung sống với nhau thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn quy định là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”, “*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.....” theo quy định. Như vậy, hôn nhân của ông bà không được pháp luật bảo vệ và tuyên bố không công nhận bà Đỗ Thị H và ông Trần Hồng T là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: ông bà có 04 người con chung tên Trần Thị T, sinh năm 1995; Trần Thiện T, sinh ngày 23/3/2000; Trần Thiện Tới, sinh ngày 26/8/2003 và Trần Thiện P, sinh ngày 23/4/2010. Các con chung tên Trần Thị T Trần Thiện T và Trần Thiện T đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do đó HĐXX không đặt ra xem xét. Riêng đứa con tên Trần Thiện P hiện đang chung sống với bà H, quá trình giải quyết bà H và ông T thống nhất giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định, phù hợp với nguyện vọng của cháu P tại bản tự khai đề ngày 13/4/2023 nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của ông bà theo quy định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả: Bà Đỗ Thị H và ông Trần Hồng T thống nhất khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. *Về án phí DSST*: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Quyền kháng cáo*: Bà Đỗ Thị H và ông Trần Hồng T có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 51; Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị H và ông Trần Hồng T.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao 01 người con chung tên Trần Thiện P, sinh ngày 23/4/2010 cho bà Đỗ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được.

- Ông Trần Hồng T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bà Đỗ Thị H trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông Trần Hồng T đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả: anh chị khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí DSST:

3.1 Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng mà bà Hận đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005984, ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Ông Trần Hồng T không phải chịu án phí.

Bà Đỗ Thị H và ông Trần Hồng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thành Thuận